

ỦY BAN NHÂN DÂN
PHƯỜNG TRẦN BIÊN

Số: 120/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Trần Biên, ngày 08 tháng 4 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận kết quả tuyển dụng viên chức ngành giáo dục
phường Trần Biên năm học 2025 – 2026

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG TRẦN BIÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Viên chức ngày 15 tháng 11 năm 2010; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 142/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương hai cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP;

Căn cứ Quyết định số 79/2024/QĐ-UBND ngày 16 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai ban hành quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Công văn số 5585/UBND-KGVX ngày 17 tháng 9 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc hướng dẫn tạm thời về quản lý cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, người quản lý doanh nghiệp khi thực hiện mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp;

Căn cứ Công văn số 4690/SGDDĐT-TCCB ngày 23 tháng 12 năm 2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Đồng Nai về ý kiến đối với kế hoạch tuyển dụng viên chức ngành giáo dục của UBND phường Trần Biên;

Căn cứ Công văn số 8322/SNV-CCVC ngày 26 tháng 12 năm 2025 của Sở Nội vụ tỉnh Đồng Nai về tuyển dụng viên chức giáo dục thuộc UBND phường Trần Biên;

Căn cứ Công văn số 2189/SGDDĐT-TCCB ngày 31 tháng 3 năm 2026 về việc ý kiến đối với kết quả tuyển dụng viên chức ngành giáo dục của UBND phường Trần Biên;

Căn cứ Kế hoạch số 164/KH-UBND ngày 27 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân phường Trần Biên về việc tuyển dụng viên chức ngành giáo dục trực thuộc Ủy ban nhân dân phường Trần Biên;

Xét tờ trình số 381/TTr-PVHXH ngày 07 tháng 4 năm 2026 của Phòng Văn hóa – Xã hội phường Trần Biên.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận kết quả tuyển dụng viên chức ngành giáo dục phường Trần Biên năm học 2025 – 2026 đối với 105 thí sinh (danh sách kèm theo Quyết định này).


Điều 2. Giao Phòng Văn hóa – Xã hội phường Trần Biên chủ trì, phối hợp với Thủ trưởng các trường mầm non, tiểu học, THCS công lập thuộc phường:

1. Thông báo công khai kết quả trúng tuyển trên trang thông tin điện tử của phường và niêm yết tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công của phường;

2. Hướng dẫn thí sinh nộp hồ sơ trúng tuyển trực tiếp theo đơn vị trường mà thí sinh trúng tuyển;

3. Phối hợp với các trường kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ và hoàn tất tất cả các thủ tục tuyển dụng viên chức theo đúng quy định pháp luật;

4. Báo cáo kết quả tiếp nhận hồ sơ và nhận quyết định trúng tuyển về Ủy ban nhân dân phường Trần Biên để tổng hợp.

Điều 3. Các ông, bà có tên tại Điều 1, Hội đồng tuyển dụng viên chức, Thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp giáo dục công lập và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./. 

Nơi nhận: 

- Như Điều 1;
- Chủ tịch, các PCT UBND phường;
- Lưu: VT, VHXH.



CHỦ TỊCH

Nguyễn Duy Tân



DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN
VIÊN CHỨC NGÀNH GIÁO DỤC PHƯỜNG TRẦN BIÊN NĂM HỌC 2025 - 2026

(Kèm theo Quyết định số 1230./QĐ-UBND ngày 08 tháng 4 năm 2026
của Ủy ban nhân dân phường Trần Biên)

| TT | Họ và tên | Ngày sinh | Vị trí trúng tuyển | Điểm xét tuyển | Đơn vị trúng tuyển |
|----|------------------------|------------|---------------------|----------------|------------------------|
| 1 | Phan Thu Hà | 27/05/1992 | GV mầm non | 56.00 | Mẫu giáo Thanh Bình |
| 2 | Lê Thị Lương | 16/05/1996 | GV mầm non | 55.00 | Mẫu giáo Thanh Bình |
| 3 | Hồ Thị Đào Hiếu | 04/10/1996 | GV mầm non | 52.25 | MN An Bình |
| 4 | Lê Thị Huệ | 15/01/1993 | GV mầm non | 58.50 | MN Bửu Long |
| 5 | Phạm Thị Thơm | 05/09/1999 | GV mầm non | 51.75 | MN Bửu Long |
| 6 | Bùi Thị Phương Thuý | 15/03/1993 | NV văn thư | 90.00 | MN Bửu Long |
| 7 | Nguyễn Thị Quyên | 16/04/1981 | GV mầm non | 60.75 | MN Hiệp Hòa |
| 8 | Lê Thị Hoàng Yến | 18/07/1983 | GV mầm non | 55.75 | MN Hiệp Hòa |
| 9 | Nguyễn Thị Minh Thúy | 14/08/1991 | GV mầm non | 51.75 | MN Hiệp Hòa |
| 10 | Đoàn Thị Mỹ Hồng | 02/10/2001 | GV mầm non | 55.25 | MN Hòa Bình |
| 11 | Đậu Thị Diễm | 10/11/1996 | GV mầm non | 58.50 | MN Hoa Hồng |
| 12 | Lại Thị Thu Đào | 05/05/1983 | GV mầm non | 53.75 | MN Hoa Mai |
| 13 | Nguyễn Thị Ngọc | 17/09/1991 | GV mầm non | 71.50 | MN Hướng Dương |
| 14 | Hà Thị Phương Chi | 15/02/1990 | GV mầm non | 63.25 | MN Hướng Dương |
| 15 | Võ Thị Trang | 18/06/1994 | GV mầm non | 53.00 | MN Hướng Dương |
| 16 | Trịnh Thị Dung | 05/03/1982 | NV văn thư | 70.00 | MN Hướng Dương |
| 17 | Vũ Thị Thư | 17/02/1992 | GV mầm non | 56.25 | MN Quang Vinh |
| 18 | Phạm Hải My | 12/03/2004 | GV mầm non | 53.00 | MN Quang Vinh |
| 19 | Nguyễn Thị Cẩm Tiên | 06/09/1996 | GV mầm non | 53.75 | MN Thanh Bình |
| 20 | Trần Thị Thu Hà | 06/10/2003 | GV mầm non | 64.50 | MN Thống Nhất |
| 21 | Phạm Thị Thảo Nhi | 09/08/2003 | GV mầm non | 60.25 | MN Thống Nhất |
| 22 | Nguyễn Thị Kim Đồng | 04/09/1996 | GV mầm non | 59.00 | MN Thống Nhất |
| 23 | Dương Thị Nhi | 29/09/2001 | GV mầm non | 57.75 | MN Thống Nhất |
| 24 | Nguyễn Ngọc Thùy Linh | 02/01/2003 | GV mầm non | 56.25 | MN Thống Nhất |
| 25 | Mai Ngọc Huyền | 01/01/1993 | GV mầm non | 60.50 | MN Trung Dũng |
| 26 | Phạm Thị Thuý | 24/08/1994 | GV THCS (Lịch sử) | 68.75 | THCS An Bình |
| 27 | Phạm Vũ Trọng Đạt | 01/08/2003 | GV THCS (Tiếng Anh) | 87.00 | THCS An Bình |
| 28 | Võ Thị Hạnh | 23/10/1987 | GV THCS (Mỹ thuật) | 58.50 | THCS Hiệp Hoà |
| 29 | Lê Cẩm Giang | 19/06/1999 | GV THCS (Ngữ văn) | 82.50 | THCS Hiệp Hoà |
| 30 | Trịnh Thanh Ngân | 15/10/2000 | NV văn thư | 70.00 | THCS Hiệp Hòa |
| 31 | Tổng Thị Hương Giang | 23/12/1983 | NV kế toán | 70.00 | THCS Hiệp Hòa |
| 32 | Nguyễn Thị Kim Loan | 23/09/1979 | GV THCS (Mỹ thuật) | 57.50 | THCS Hùng Vương |
| 33 | Phạm Nguyễn Dung Huyền | 27/01/2003 | GV THCS (Ngữ văn) | 83.00 | THCS Hùng Vương |
| 34 | Hoàng Thị Yến | 05/03/1990 | NV y tế | 85.00 | THCS Hùng Vương |
| 35 | Hà Nguyễn Lê Hoàng | 16/11/1997 | GV THCS (Tin học) | 69.50 | THCS Nguyễn Bình Khiêm |
| 36 | Nguyễn Hồng Vinh | 10/09/1993 | GV THCS (GDTC) | 77.75 | THCS Nguyễn Bình Khiêm |
| 37 | Phan Thị Nhung | 12/08/1989 | GV THCS (GDTC) | 72.00 | THCS Nguyễn Bình Khiêm |

| TT | Họ và tên | Ngày sinh | Vị trí trúng tuyển | Điểm xét tuyển | Đơn vị trúng tuyển |
|----|--------------------------|------------|-------------------------|----------------|------------------------|
| 38 | Ngô Thị Hồng Nhung | 05/06/2000 | GV THCS (GDTC) | 60.00 | THCS Nguyễn Bình Khiêm |
| 39 | Phạm Thị Hồng Nhật | 02/01/1996 | GV THCS (Âm nhạc) | 78.50 | THCS Nguyễn Bình Khiêm |
| 40 | Nguyễn Văn Lành | 13/7/1999 | GV THCS (Lịch sử) | 77.75 | THCS Nguyễn Bình Khiêm |
| 41 | Phan Thị Huyền Trang | 15/06/1992 | GV THCS (GDTC) | 87.50 | THCS Nguyễn Bình Khiêm |
| 42 | Trương Ngọc Kim Khánh | 14/06/2003 | GV THCS (Ngữ văn) | 85.75 | THCS Nguyễn Bình Khiêm |
| 43 | Nguyễn Lê Quốc Thạch | 16/10/2003 | GV THCS (Sinh học) | 87.50 | THCS Nguyễn Bình Khiêm |
| 44 | Chu Văn Quỳnh | 03/08/1982 | GV THCS (Công nghệ) | 58.50 | THCS Nguyễn Bình Khiêm |
| 45 | Nguyễn Trần An Khang | 21/10/2001 | GV THCS (Tiếng Anh) | 93.00 | THCS Nguyễn Bình Khiêm |
| 46 | Phạm Thị Tú Thanh | 06/09/2001 | GV THCS (Tiếng Anh) | 88.50 | THCS Nguyễn Bình Khiêm |
| 47 | Huỳnh Minh Phúc | 22/10/1980 | NV văn thư | 70.00 | THCS Quyết Thắng |
| 48 | Nguyễn Thị Nhân | 05/05/1994 | GV THCS (Sinh học) | 84.25 | THCS Tân Bửu |
| 49 | Nguyễn Duy Huy | 02/12/1988 | GV THCS (GDTC) | 88.50 | THCS Thống Nhất |
| 50 | Nguyễn Anh Đức | 17/05/1986 | GV THCS (Âm nhạc) | 54.00 | THCS Thống Nhất |
| 51 | Trần Thị Thanh Thuý | 25/12/1997 | GV THCS (Ngữ văn) | 85.50 | THCS Thống Nhất |
| 52 | Nguyễn Phan Thùy Trang | 03/05/2000 | GV THCS (Ngữ văn) | 85.25 | THCS Thống Nhất |
| 53 | Trần Quốc Tiến | 23/08/1992 | GV THCS (Sinh học) | 84.25 | THCS Thống Nhất |
| 54 | Nguyễn Mai Thy | 29/11/2003 | GV THCS (Tiếng Anh) | 95.00 | THCS Trần Hưng Đạo |
| 55 | Lâm Thanh Hà | 23/11/2002 | GV THCS (Tiếng Anh) | 91.75 | THCS Trần Hưng Đạo |
| 56 | Trương Thị Thúy Ngân | 28/11/1999 | GV THCS (Tiếng Anh) | 91.50 | THCS Trần Hưng Đạo |
| 57 | Văn Thị Phương Thảo | 14/10/1982 | NV kế toán | 95.00 | THCS Trần Hưng Đạo |
| 58 | Nguyễn Dương Thảo Nguyên | 29/10/2003 | NV y tế | 75.00 | THCS Trần Hưng Đạo |
| 59 | Từ Hành Sang | 02/01/2003 | GV tiểu học (GDTC) | 67.50 | Tiểu học An Bình |
| 60 | Nguyễn Thị Thanh Xuân | 25/03/2002 | GV tiểu học | 92.50 | Tiểu học An Hào |
| 61 | Dương Minh Anh | 02/09/2003 | GV tiểu học | 84.50 | Tiểu học An Hào |
| 62 | Nguyễn Hoàng Phương Ngân | 16/08/2002 | GV tiểu học | 83.00 | Tiểu học An Hào |
| 63 | Tạ Thiên Thảo | 29/03/2003 | GV tiểu học | 82.50 | Tiểu học An Hào |
| 64 | Phạm Trần Diễm Quỳnh | 14/12/2003 | GV tiểu học | 82.25 | Tiểu học An Hào |
| 65 | Trang Bích Liễu | 25/08/1989 | GV tiểu học (GDTC) | 92.75 | Tiểu học An Hào |
| 66 | Mai Thị Phượng | 10/05/1993 | GV tiểu học (TPT Đội) | 60.00 | Tiểu học An Hào |
| 67 | Lê Thị Thái Nam | 10/12/1981 | NV y tế | 70.00 | Tiểu học An Hào |
| 68 | Lê Thanh Phương | 07/09/2001 | GV tiểu học | 85.25 | Tiểu học Hiệp Hòa |
| 69 | Nguyễn Thị Thùy An | 13/04/1997 | GV tiểu học | 85.00 | Tiểu học Hiệp Hòa |
| 70 | Nguyễn Ngọc Phượng | 10/10/2003 | GV tiểu học | 84.63 | Tiểu học Hiệp Hòa |
| 71 | Bùi Nguyễn Hương Duyên | 03/03/2002 | GV tiểu học | 83.25 | Tiểu học Hiệp Hòa |
| 72 | Lưu Ngọc Yến Nhi | 15/05/2002 | GV tiểu học | 81.00 | Tiểu học Hiệp Hòa |
| 73 | Trần Thị Thanh Tuyền | 03/01/1999 | GV tiểu học (Mỹ thuật) | 68.50 | Tiểu học Hiệp Hòa |
| 74 | Lê Anh Tú | 04/04/2002 | GV tiểu học (GDTC) | 76.25 | Tiểu học Lê Thị Vân |
| 75 | Trần Thị Minh Trang | 28/02/1996 | GV tiểu học | 84.00 | Tiểu học Lê Thị Vân |
| 76 | Ngô Thị Kim Phụng | 25/11/1986 | GV tiểu học (Tin học) | 54.00 | Tiểu học Lê Thị Vân |
| 77 | Đỗ Thanh Nhã Uyên | 30/10/1997 | GV tiểu học (Tiếng Anh) | 78.25 | Tiểu học Lê Văn Tám |
| 78 | Nguyễn Thị Vân | 20/9/1982 | GV tiểu học (Tin học) | 62.00 | Tiểu học Lê Văn Tám |
| 79 | Lê Thanh Hà | 17/12/2003 | GV tiểu học | 95.00 | Tiểu học Nguyễn Du |

| TT | Họ và tên | Ngày sinh | Vị trí trúng tuyển | Điểm xét tuyển | Đơn vị trúng tuyển |
|-----|-----------------------|------------|------------------------|----------------|---------------------------|
| 80 | Phạm Thị Tuyết Anh | 20/05/2003 | GV tiểu học | 93.00 | Tiểu học Nguyễn Du |
| 81 | Lương Ngọc Kim Nguyên | 19/10/2001 | GV tiểu học | 86.00 | Tiểu học Nguyễn Du |
| 82 | Phạm Thị Bích Ngọc | 15/03/2002 | GV tiểu học | 81.00 | Tiểu học Nguyễn Du |
| 83 | Đinh Thị Mai | 06/02/1989 | GV tiểu học (Âm nhạc) | 80.75 | Tiểu học Nguyễn Du |
| 84 | Phạm Thị Lâm Oanh | 31/10/2002 | GV tiểu học | 85.00 | Tiểu học Nguyễn Khắc Hiếu |
| 85 | Phạm Thị Ngọc Thảo | 23/10/1987 | GV tiểu học (Tin học) | 78.50 | Tiểu học Nguyễn Khắc Hiếu |
| 86 | Nguyễn Phan Huy Hoàng | 07/02/1988 | GV tiểu học (GDTC) | 70.60 | Tiểu học Nguyễn Khắc Hiếu |
| 87 | Nguyễn Thị Hồng Mến | 17/10/1992 | NV văn thư | 80.00 | Tiểu học Quang Vinh |
| 88 | Nguyễn Văn Hoạch | 15/10/1991 | NV thư viện | 64.00 | Tiểu học Quang Vinh |
| 89 | Hoàng Thị Hương Giang | 02/04/1996 | GV tiểu học | 79.75 | Tiểu học Tân Bửu |
| 90 | Trần Thanh Ngân | 19/10/2001 | GV tiểu học | 83.50 | Tiểu học Tân Bửu |
| 91 | Võ Lê Gia Huy | 03/12/2002 | GV tiểu học | 82.25 | Tiểu học Tân Bửu |
| 92 | Cáp Văn Hoàn | 04/12/2002 | GV tiểu học (GDTC) | 72.60 | Tiểu học Tân Bửu |
| 93 | Vũ Thị Duyên | 17/01/2002 | NV kế toán | 80.00 | Tiểu học Tân Bửu |
| 94 | Nguyễn Phương Trang | 03/03/2003 | GV tiểu học | 88.75 | Tiểu học Thống Nhất |
| 95 | Phạm Thu Thảo | 22/8/2002 | GV tiểu học | 83.50 | Tiểu học Thống Nhất |
| 96 | Phạm Tiểu Yến | 02/06/2002 | GV tiểu học | 83.00 | Tiểu học Thống Nhất |
| 97 | Phan Quý Tiên | 23/06/2003 | GV tiểu học | 79.75 | Tiểu học Thống Nhất |
| 98 | Phạm Thị Thùy Min | 22/07/1992 | GV tiểu học | 96.00 | Tiểu học Trịnh Hoài Đức |
| 99 | Nguyễn Chu Khánh Ngân | 06/12/2002 | GV tiểu học | 89.50 | Tiểu học Trịnh Hoài Đức |
| 100 | Phạm Hồng Mi | 25/11/2002 | GV tiểu học | 84.50 | Tiểu học Trịnh Hoài Đức |
| 101 | Phan Lê Thảo Hiền | 14/09/2003 | GV tiểu học | 80.50 | Tiểu học Trịnh Hoài Đức |
| 102 | Nguyễn Đăng Khoa | 01/04/1985 | GV tiểu học (GDTC) | 84.75 | Tiểu học Trịnh Hoài Đức |
| 103 | Phạm Hồng Đức | 22/06/2002 | GV tiểu học (GDTC) | 75.85 | Tiểu học Trịnh Hoài Đức |
| 104 | Nguyễn Thị Hồng Loan | 05/01/1994 | GV tiểu học (Mỹ thuật) | 74.50 | Tiểu học Trịnh Hoài Đức |
| 105 | Nguyễn Thị Thảo | 26/08/1990 | NV y tế | 90.00 | Tiểu học Trịnh Hoài Đức |

Danh sách gồm 105 thí sinh.

